

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TOẢN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN SINH HỌC**  
**Năm học 2021 - 2022**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 27; Số học sinh: 825; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Đại học**

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Khá: 01; Đạt: 02**

STT	Họ và tên	Trình độ	Đạt chuẩn	Chuyên môn
1	Nguyễn Thị Hạnh Hồng	Cử nhân	Khá	Sinh học
2	Lê Thị Bé	Cử nhân	Đạt	Sinh học
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Cử nhân	Đạt	Sinh học

**3. Thiết bị dạy học:**

<b>KHỐI 7</b>				
STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Laptop, máy tính	03	Dạy online các bài theo phân phối chương trình	Dự kiến hết tháng 10/2021
2	Phần mềm Google Meet	03 tài khoản		
3	Phần mềm Shub Classroom	03 tài khoản		
4	Màn hình tương tác, máy chiếu	01	Sử dụng khi dạy trực tiếp các bài theo phân phối chương trình	Dự kiến khi hết giãn cách
<b>KHỐI 7</b>				

5	Tranh cấu tạo ngoài của ếch đồng	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp lưỡng cư</b> Bài 35: Ếch đồng	
6	Tranh một số loài lưỡng cư	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp lưỡng cư</b> Bài 37: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư	
7	Tranh cấu tạo ngoài của thằn lằn bóng	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp bò sát</b> Bài 38: Thằn lằn bóng đuôi dài	
8	Tranh khung long và một số đại diện của bò sát	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp bò sát</b> Bài 40: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp bò sát	
9	Tranh cấu tạo ngoài của chim bồ câu Mô hình chim bồ câu	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp chim</b> Bài 41: Chim bồ câu	
10	Tranh phóng to hình chim cánh cụt, Đà Điểu Úc và một số loài chim thuộc nhóm chim bay, SGK	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp chim</b> Bài 44: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Chim (2t)	
11	Tranh hình nhau thai của thỏ, cấu tạo ngoài của thỏ, thỏ đào hang, động tác di chuyển của thỏ Mô hình thỏ	02 bộ	Bài 46: Thỏ	
12	Tranh ảnh về đời sống của thú mỏ vịt và thú có túi	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp thú</b> Bài 48: Sự đa dạng của thú: Bộ Thú huyệt, bộ Thú túi	
13	Tranh cá voi, dơi	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp thú</b> Bài 49: Sự đa dạng của thú(tt): Bộ Dơi, bộ Cá voi	
14	Tranh chân, răng chuột chù. Tranh sóc, chuột đồng và bộ răng chuột.	02 bộ	<b>Chủ đề: Lớp thú</b> Bài 50: Sự đa dạng của thú(tt): Bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt	

	Tranh bộ răng và chân			
15	Tranh cây phát sinh giới động vật	02 bộ	Bài 56: Cây phát sinh giới Động vật	
16	Tranh một số động vật ở môi trường đới lạnh, đới nóng Tư liệu về ĐV ở môi trường nhiệt đới gió mùa	02 bộ	Bài 57: Đa dạng sinh học	
17	Tư liệu về đấu tranh sinh học	02 bộ	Bài 59: Biện pháp đấu tranh sinh học	
18	Tranh ảnh về một số ĐV quý hiếm như: Hổ, báo, tê giác, sư tử	02 bộ	Bài 60: Động vật quý hiếm	
<b>KHỐI 8</b>				
19	Tranh cấu tạo da	01	<b>Chủ đề: Da</b> Bài 41: Cấu tạo và chức năng của da	
20	Tranh ảnh cơ quan sinh dục nam, nữ	01	<b>Chủ đề: Sinh sản</b> Bài 60: Cơ quan sinh dục nam Bài 61: Cơ quan sinh dục nữ	
<b>KHỐI 9</b>				
21	Tiêu bản	04	<b>Thực hành:</b> Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật (2t)	
22	Kính lúp, vợt bắt côn trùng, dụng cụ làm tiêu bản	05	<b>Thực hành:</b> Tìm hiểu môi trường và NTST <b>Thực hành:</b> Hệ sinh thái (2t) <b>Thực hành:</b> Tìm hiểu ô nhiễm môi trường	

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành Sinh – CN	01	Sử dụng cho học sinh có không gian để thực hiện các tiết thực hành thí nghiệm.	GV đăng kí tiết dạy

2	Phòng học các lớp	10	Giảng dạy các tiết sử dụng màn hình tương tác	Sử dụng trong các tiết dạy trực tiếp.
---	-------------------	----	---	---------------------------------------

## II. Kế hoạch dạy học (theo khối lớp)

### 1. Phân phối chương trình

#### 1.1 Khối 7

#### HỌC KÌ I

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
01	Bài 1: Thế giới động vật đa dạng, phong phú.	01	Học sinh chứng minh sự đa dạng và phong phú của động vật thể hiện ở số loài và môi trường sống.	
02	Bài 2: Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật.	01	- Trình bày điểm giống nhau và khác nhau giữa cơ thể động vật và cơ thể thực vật. - Kể tên các ngành động vật.	
03	<b>Chủ đề: Động vật nguyên sinh</b> Từ bài 03 - 07 Bài 4: Trùng roi. - Không dạy mục 1 (phần I): cấu tạo và di chuyển và mục 4: tính hướng sáng. Bài 5: Trùng biến hình và trùng giày. - Không dạy mục 1 phần II: Cấu tạo. - Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 trang 22. Bài 6: Trùng kiết lị và trùng sốt rét. Lệnh ▼ mục I, II.2 không dạy. Bài 7: Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của Động vật nguyên sinh. Không dạy: Nội dung về trùng lỗ.	05	- Nêu được ít nhất 2 đại diện điển hình cho ngành động vật nguyên sinh là: Trùng roi và trùng đế giày. - Phân biệt được hình dạng, cách di chuyển của 2 đại diện này. - Nêu được đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng và sinh sản của ĐVNS. - Trình bày được bước chuyển quan trọng từ động vật đơn bào đến động vật đa bào qua đại diện là tập đoàn trùng roi. - Trình bày được sự phân hoá chức năng các bộ phận trong tế bào của trùng giày, đó là biểu hiện mầm mống của động vật đa bào. - Nêu được đặc điểm cấu tạo của trùng sốt rét và trùng kiết lị phù hợp với lối sống kí sinh.	Tích hợp bài 3, bài 4, bài 5, bài 6, bài 7 thành chủ đề.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ rõ được những tác hại do 2 loại trùng này gây ra và cách phòng chống bệnh sốt rét.</li> <li>- Chỉ ra được vai trò tích cực của ĐVNS và những tác hại do ĐVNS gây ra.</li> </ul>	
04	<p><b>Chủ đề: Ruột khoang</b>          Bài 8, 9, 10          Bài 8: Thủy tức.          - Không dạy cột cấu tạo và chức năng: Bảng trang 30.          - Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 trang 32.          Bài 9: Đa dạng của ngành Ruột khoang.          Lệnh ▼ mục I, III không dạy.          Bài 10: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang.          Không thực hiện nội dung ở các số thứ tự 4, 5 và 6. Mục I. Bảng trang 37.</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm hình dạng, cấu tạo, dinh dưỡng và cách sinh sản của thủy tức, đại diện cho ngành ruột khoang và là ngành động vật đa bào đầu tiên.</li> <li>- Nêu được sự đa dạng của ngành ruột khoang được thể hiện ở cấu tạo cơ thể, lối sống, tổ chức cơ thể, di chuyển.</li> <li>- Liên hệ thực tế, vai trò và lợi ích, tác hại của Ruột khoang.</li> </ul>	Tích hợp bài 8, bài 9, bài 10 thành chủ đề.
05	<p><b>Chủ đề: Giun dẹp</b>          Bài 11, 12          Bài 11: Sán lá gan.          Không dạy: Phần ▼ trang 41 và phần bảng trang 42.          Bài 12: Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung của ngành Giun dẹp.          Không dạy mục II: Đặc điểm chung.</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu cấu tạo, đời sống của sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh.</li> <li>- Vòng đời và các bệnh về sán lá gan.</li> <li>- Giới thiệu về 1 số giun dẹp khác.</li> <li>- Vai trò và lợi ích của giun dẹp.</li> </ul>	Tích hợp bài 11, bài 12 thành chủ đề.

06	<p><b>Chủ đề: Ngành Giun tròn</b>          Bài 13, 14          Bài 13: Giun đũa.          Không dạy mục III.          Bài 14: Một số giun tròn khác và đặc điểm chung của ngành Giun tròn.          Không dạy mục II: Đặc điểm chung.</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được cấu tạo ngoài, cấu tạo trong và dinh dưỡng của giun đũa thích nghi với kí sinh.</li> <li>- Giải thích được vòng đời của giun đũa (có giai đoạn qua gan, tim, phổi). Từ đó biết cách phòng trừ giun đũa, một căn bệnh phổ biến ở Việt Nam.</li> <li>- Mở rộng hiểu biết về các giun tròn ký sinh khác như: giun kim (kí sinh ở ruột già), giun móc câu (kí sinh ở tá tràng), phần nào về giun chỉ (kí sinh ở mạch bạch huyết).</li> </ul>	Tích hợp bài 13, bài 14 thành chủ đề.
07	<p><b>Chủ đề: Ngành Giun đốt</b>          Bài 15, 16, 17          Bài 15: Giun đất.          Thực hành: Quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống của giun đất.          Không dạy lý thuyết.          Bài 16: Thực hành: Mổ và quan sát giun đất.          Mục III.2 không dạy          Bài 17: Một số giun đốt khác và đặc điểm chung của ngành Giun đốt.          Không dạy mục II: Đặc điểm chung.</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được đặc điểm cấu tạo, di chuyển, dinh dưỡng, sinh sản của giun đất.</li> <li>- Chỉ rõ đặc điểm tiến hóa hơn so với giun tròn.</li> <li>- Tiến hành thực hành mổ và quan sát giun đất.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm đại diện giun đốt phù hợp với lối sống.</li> <li>- Nêu được vai trò của giun đốt.</li> </ul>	Tích hợp bài 15, bài 16, bài 17 thành chủ đề.
08	Ôn tập.	01	<p>Ôn tập nội dung đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đa dạng và đặc điểm chung của giới ĐV.</li> <li>- Cấu tạo và vai trò của các đại diện ngành ĐVNS, Ruột Khoang, Các Ngành Giun.</li> </ul>	
09	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ I.	01	<p>Kiểm tra kiến thức giữa học kì I.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đa dạng và đặc điểm chung của giới ĐV.</li> <li>- Cấu tạo và vai trò của các đại diện ngành ĐVNS, Ruột Khoang, Các Ngành Giun.</li> </ul>	

10	<p><b>Chủ đề: Thân mềm</b>          Bài 18, 19, 20, 21          Bài 18: Trai sông.          Mục II, Mục III lệnh ▼ không dạy.          Bài 19: Một số thân mềm khác.          Không dạy lý thuyết.          Bài 20: Thực hành: Quan sát một số thân mềm.          Mục III.3. Cấu tạo trong không dạy.          Bài 21: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Thân mềm.          Mục I. Lệnh ▼ trang 71-72 không dạy.</p>	04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được vì sao trai sông được xếp vào ngành thân mềm.</li> <li>- Giải thích được đặc điểm cấu tạo của trai thích nghi với đời sống ẩn mình trong bùn cát.</li> <li>- Quan sát cấu tạo đặc trưng của một số đại diện thân mềm.</li> <li>- Phân biệt được các cấu tạo chính của thân mềm từ vỏ, cấu tạo ngoài đến cấu tạo trong.</li> <li>- Viết bài thu hoạch.</li> <li>- Nêu được sự đa dạng của ngành thân mềm.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm chung và ý nghĩa thực tiễn của ngành thân mềm.</li> </ul>	Tích hợp Bài 18, Bài 19, Bài 20 và Bài 21 thành chủ đề.
11	<p><b>Chủ đề: Lớp Giáp xác</b>          Bài 22, 24          Bài 22: Tôm sông.          Thực hành: Quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống của tôm sông.          Mục I.2, mục I.3: Khuyến khích học sinh tự học.</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được vì sao tôm được xếp vào ngành chân khớp, lớp giáp xác.</li> <li>- Giải thích được các đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản của tôm.</li> <li>- Trình bày được một số đặc điểm về cấu tạo và lối sống của các đại diện giáp xác thường gặp. Nêu được vai trò thực tiễn của lớp giáp xác.</li> </ul>	Tích hợp Bài 22 và Bài 24 thành chủ đề.
12	<p><b>Chủ đề: Lớp Hình nhện</b>          Bài 25: Nhện và sự đa dạng của lớp Hình nhện.          Nhện và sự đa dạng của lớp Hình nhện.          Mục I.1. Bảng 1. Không thực hiện.</p>	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu tạo và đời sống tập tính của Nhện.</li> <li>- Kể tên được 1 số đại diện của lớp hình nhện.</li> </ul>	
13	<p><b>Chủ đề: Lớp Sâu bọ.</b>          Bài 26, 27, 28          Bài 26: Châu chấu.</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về cấu tạo ngoài, cấu tạo trong, hình thức dinh dưỡng và di chuyển, sinh sản và phát triển của châu chấu.</li> </ul>	Tích hợp Bài 26, Bài 27 và Bài 28 thành chủ đề.

	<p>- Mục III. Dinh dưỡng: Không dạy hình 26.4</p> <p>- Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 trang 88.</p> <p>Bài 27: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Sâu bọ.</p> <p>Mục II.1. Đặc điểm chung: Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.</p> <p>Bài 28: Thực hành: Xem băng hình về tập tính của Sâu bọ.</p> <p>Mục III.1, 2: Khuyến khích học sinh tự tìm hiểu.</p>		<p>- Tìm hiểu 1 số một số đại diện của Sâu bọ.</p> <p>- Từ đó rút ra được đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của lớp Sâu bọ.</p> <p>- HS xem băng hình về tập tính của Sâu bọ, ghi chép ngắn gọn các tập tính đó sau khi xem băng hình.</p>	
14	<p>Bài 29: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Chân khớp.</p> <p>Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.</p>	01	Nêu được đặc điểm chung và vai trò của ngành Chân Khớp được biểu thị qua 3 lớp Giáp Xác, Hình Nhện và Sâu bọ.	
15	Ôn tập - Bài tập	01	Ôn tập nội dung về cấu tạo, đặc điểm chung và vai trò ngành Thân Mềm và Chân Khớp.	
16	<p><b>Chủ đề: Các lớp Cá</b></p> <p>Bài 31, 32, 34</p> <p>Bài: 34 Sự đa dạng và đặc điểm chung của cá chép.</p> <p>Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong.</p>	03	<p>- Nêu được cấu tạo ngoài và các hoạt động sống của cá chép.</p> <p>- Nêu được của các đặc tính đa dạng của lớp cá qua các đại diện khác như: Cá nhám, cá đuối, lươn, cá bơn...Nêu ý nghĩa thực tiễn của cá đối với tự nhiên và đối với con người.</p> <p>- Xác định được vị trí và nêu rõ vai trò một số cơ quan của cá trên mẫu mổ.</p>	Tích hợp Bài 31, Bài 32 và Bài 34 thành chủ đề.

17	Ôn tập học kỳ I.	01	Ôn tập phần kiến thức đã học: Đặc điểm, cấu tạo, sự đa dạng, vai trò của Ngành ĐVNS, Ruột khoang, Các ngành Giun, Thân mềm, Chân khớp.	
18	Kiểm tra học kỳ I.	01	Kiểm tra kiến thức đã học ở học kỳ I: Đặc điểm, cấu tạo, sự đa dạng, vai trò của Ngành ĐVNS, Ruột khoang, Các ngành Giun, Thân mềm, Chân khớp.	

### HỌC KỲ II

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
19	<b>Chủ đề: Lớp lưỡng cư</b> Bài 35, 37 Bài 37: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư. Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong.	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các đặc điểm đời sống của ếch đồng. Mô tả được các đặc điểm cấu tạo ngoài của ếch đồng vừa thích nghi ở nước vừa thích nghi ở cạn.</li> <li>- Học sinh trình bày được sự đa dạng của lớp lưỡng cư về thành phần loài, môi trường sống và tập tính của chúng.</li> <li>- Nêu được vai trò của lưỡng cư với tự nhiên và đời sống con người.</li> </ul>	Tích hợp Bài 35 và Bài 37 thành chủ đề.
20	Ôn tập - Bài tập	01	Ôn tập lớp Lưỡng cư.	
21	<b>Chủ đề: Lớp bò sát</b> Bài 38, 40 Bài 40: Đa dạng và đặc điểm của lớp Bò sát. Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong.	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu đời sống, cấu tạo ngoài và hình thức di chuyển của thằn lằn bóng đuôi dài.</li> <li>- Sự đa dạng của Bò sát.</li> <li>- Các loài khủng long.</li> <li>- Vai trò của lớp Bò sát.</li> </ul>	Tích hợp Bài 38 và Bài 40 thành chủ đề.
22	Ôn tập - Bài tập	01	Ôn tập về Sự đa dạng cấu tạo, đặc điểm thích nghi và vai trò của lớp Bò Sát.	

23	<p><b>Chủ đề: Lớp chim</b>          Bài 41, 44, 45          Bài 44: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Chim.          Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong.</p>	04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài của chim bồ câu.</li> <li>- Giải thích được đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay lượn.</li> <li>- Phân biệt được kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn.</li> <li>- Trình bày được các đặc điểm đặc trưng của các nhóm chim thích nghi với đời sống từ đó thấy được sự đa dạng của chim.</li> <li>- Nêu được vai trò của chim.</li> <li>- GV chuẩn bị máy chiếu, băng hình.</li> <li>- HS làm báo cáo về tình hình thực tế của địa phương/giới thiệu về 1 loài chim.</li> </ul>	Tích hợp Bài 41, Bài 44 và Bài 45 thành chủ đề.
24	<p>Bài 46: Thỏ.</p>	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những đặc điểm đời sống và hình thức sinh sản của thỏ.</li> <li>- Trình bày được cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẫn trốn kẻ thù.</li> </ul>	
25	<p><b>Chủ đề: Lớp thú</b>          Bài 48,49,50,51,52          Bài 48: Đa dạng của lớp Thú.          Bộ thú huyệt, bộ Thú túi.          Không dạy: Phần lệnh ▼ trang 160          Mục II. Lệnh ▼ trang 157 Không thực hiện.          Bài 49: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo).          Bộ Dơi và bộ Cá voi.          Mục II. Lệnh ▼ trang 160-161          Không thực hiện.</p>	06	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được tính đa dạng và sự thống nhất của lớp thú.</li> <li>- Tìm hiểu tính đa dạng của lớp thú thông qua quan sát các bộ thú khác nhau.</li> <li>- Nêu được hoạt động, tập tính của thú ở các vùng phân bố địa lí khác nhau.</li> <li>- Nêu được vai trò của lớp thú đối với tự nhiên và đối với con người, nhất là những thú nuôi.</li> </ul>	Tích hợp Bài 48, Bài 49, Bài 50, Bài 51 và Bài 52 thành chủ đề.

	<p>Bài 50: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo).          Bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt.          Mục III. Lệnh ▼ trang 164 Không thực hiện.          Bài 51: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo).          Các bộ Móng guốc và bộ Linh trưởng.          Mục II. Lệnh ▼ trang 168 Không thực hiện.          Mục IV. Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong.</p>			
26	Ôn tập.	01	<p>Ôn tập nội dung đã học đầu học kỳ II:          - Đặc điểm, sự đa dạng của lớp Lưỡng cư, lớp Thú, lớp Chim.          - Đặc điểm thích nghi, vai trò, tập tính của lớp Lưỡng cư, lớp Thú, lớp Chim.</p>	
27	Kiểm tra giữa kỳ II.	01	<p>Kiểm tra nội dung đã học đầu học kỳ II:          - Đặc điểm, sự đa dạng của lớp Lưỡng cư, lớp Thú, lớp Chim.          - Đặc điểm thích nghi, vai trò, tập tính của lớp Lưỡng cư, lớp Thú, lớp Chim.</p>	
28	Bài 53: Môi trường sống và sự vận động di chuyển.	01	Nêu được sự tiến hóa thể hiện ở sự đi chuyển, vận động cơ thể.	
29	Bài 55: Tiến hóa về sinh sản.	01	- Nêu được sự tiến hoá các hình thức sinh sản ở động vật từ đơn giản đến phức tạp (sinh sản vô tính đến sinh sản hữu tính).	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự hoàn chỉnh các hình thức sinh sản hữu tính.</li> <li>- Lập bảng so sánh, rút ra nhận xét.</li> </ul>	
30	Bài 56: Cây phát sinh giới Động vật. Mục I không dạy.	01	Nêu được mối quan hệ và mức độ tiến hóa của các ngành, các lớp động vật trên cây tiến hóa trong lịch sử phát triển của động vật thông qua cây phát sinh giới động vật.	
31	Bài 57: Đa dạng sinh học.	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm đa dạng sinh học.</li> <li>- Nêu được đa dạng sinh học thể hiện ở số loài, khả năng thích nghi cao của động vật với các điều kiện sống khác nhau.</li> <li>- Trình bày được sự đa dạng sinh học ở môi trường nhiệt đới gió mùa cao hơn ở đới lạnh và hoang mạc đới nóng là do khí hậu phù hợp với mọi loài sinh vật.</li> <li>- Nêu được những lợi ích của đa dạng sinh học trong đời sống, nguy cơ suy giảm và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.</li> </ul>	
32	Bài 59: Biện pháp đấu tranh sinh học.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm về đấu tranh sinh học.</li> <li>- Biết và đưa ra được các biện pháp đấu tranh sinh học.</li> <li>- Biết được ưu và nhược điểm của các biện pháp đấu tranh sinh học.</li> </ul>	
33	Bài 60: Động vật quý hiếm.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm về động vật quý hiếm.</li> <li>- Hiểu được mức độ tuyệt chủng của các động vật quý hiếm ở Việt Nam.</li> <li>- Đề ra các biện pháp bảo vệ động vật quý hiếm.</li> </ul>	
34	Ôn tập - Bài tập.	01	Ôn tập nội dung chủ đề VII: Sự tiến hóa của Động vật.	
35	Bài 61, 62: Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng trong kinh tế ở địa phương.	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được vai trò của động vật trong đời sống con người.</li> </ul>	

			- Nêu được tầm quan trọng của một số động vật đối với nền kinh tế ở địa phương.	
36	Bài 63: Ôn tập.	01	Ôn tập nội dung đã học ở học kỳ II: - Đặc điểm, cấu tạo, vai trò, tập tính của Ngành ĐVCXS. - Sự tiến hóa của giới động vật.	
37	Kiểm tra cuối học kỳ II.	01	Kiểm tra kiến thức đã học ở học kỳ II: - Đặc điểm, cấu tạo, vai trò, tập tính của Ngành ĐVCXS. - Sự tiến hóa của giới động vật.	
38	Bài 64, 65, 66: Thực hành: Tham quan thiên nhiên.	03	- Có khả năng sử dụng các phương tiện quan sát ĐV ở các cấp độ khác nhau tùy theo mẫu vật. - Nêu đặc điểm môi trường, thành phần và đặc điểm của ĐV sống trong môi trường. - Nêu đặc điểm thích nghi của cơ thể ĐV với Môi trường sống. - Quan sát đa dạng sinh học trong thực tế - Sưu tầm mẫu vật.	

**1.2 Khối 8:****HỌC KỲ I**

<b>STT</b>	<b>Bài học (1)</b>	<b>Số tiết (2)</b>	<b>Yêu cầu cần đạt (3)</b>
01	Bài 1: Bài mở đầu.	01	- Nêu được mục đích và ý nghĩa của kiến thức phân cơ thể người và vệ sinh. - Xác định được vị trí con người trong giới Động vật. - Làm rõ mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của môn học.
02	Bài 2: Cấu tạo cơ thể người.	01	- Kể được tên và xác định được vị trí của các cơ quan trong cơ thể người.

03	Bài 3: Tế bào.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS phải nêu được thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào bao gồm: màng sinh chất, chất tế bào (lưới nội chất, ribôxôm, ti thể, bộ máy gôngi, trung thể .....), nhân (nhiễm sắc thể, nhân con).</li> <li>- HS phân biệt được chức năng từng cấu trúc của tế bào.</li> </ul>
04	Bài 4: Mô.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm mô, phân biệt các loại mô chính trong cơ thể.</li> <li>- HS trình bày được cấu tạo và chức năng của từng loại mô trong cơ thể.</li> </ul>
05	Bài 6: Phản xạ.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS phải nêu được cấu tạo và chức năng của nơron.</li> <li>- HS chỉ rõ 5 thành phần của 1 cung phản xạ và đường dẫn truyền xung thần kinh trong cung phản xạ.</li> </ul>
06	Bài 5: Thực hành quan sát tế bào mô.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị được tiêu bản tạm thời tế bào mô cơ vân.</li> <li>- Quan sát và vẽ các tế bào trong các tiêu bản đã làm sẵn: tế bào niêm mạc miệng (mô biểu bì), mô sụn, mô xương, mô cơ vân, mô cơ trơn, phân biệt bộ phận chính của tế bào gồm màng sinh chất, chất tế bào và nhân.</li> <li>- Phân biệt được điểm khác nhau của mô biểu bì, mô cơ và mô liên kết</li> </ul>
07	<b>Chủ đề: Vận động</b> Từ bài 7, 8, 9, 10, 11, 12.	06	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các phần chính của bộ xương và xác định được các xương chính ngay trên cơ thể mình.</li> <li>- Biết được cấu tạo chung của 1 xương dài, từ đó giải thích được sự lớn lên và khả năng chịu lực của xương.</li> <li>- Xác định được các thành phần hoá học của xương.</li> </ul>
08	<b>Chủ đề: Tuần hoàn – Miễn dịch</b> Từ bài 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19.	07	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nêu được các thành phần cấu tạo của máu và thành phần của môi trường trong máu.</li> <li>- Nêu được chức năng các thành phần cấu tạo của máu.</li> <li>- Trình bày được cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch.</li> <li>- Liệt kê được các nhóm máu ở người, nêu được nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền máu.</li> </ul>
09	Ôn tập.	01	<p>Ôn tập nội dung đã học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát cơ thể người: Các vị trí và cơ quan trong cơ thể người, thành phần, cấu tạo, chức năng của tế bào, mô và các nơron.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc xương, cấu tạo, sự lớn lên dài ra của xương, thành phần chính của xương.</li> <li>- Thành phần, cấu tạo chức năng của máu, cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch, các nhóm máu và nguyên tắc truyền máu.</li> </ul>
10	Kiểm tra giữa kì I	01	<p>Kiểm tra kiến thức giữa học kì I:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát cơ thể người: Các vị trí và cơ quan trong cơ thể người, thành phần, cấu tạo, chức năng của tế bào, mô và các notron.</li> <li>- Cấu trúc xương, cấu tạo, sự lớn lên dài ra của xương, thành phần chính của xương.</li> <li>- Thành phần, cấu tạo chức năng của máu, cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch, các nhóm máu và nguyên tắc truyền máu.</li> </ul>
11	<b>Chủ đề: Hô Hấp</b> Từ bài 20, 21, 22, 23.	04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng cơ quan hô hấp ở người.</li> <li>- Hiểu được tác hại của tác nhân gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm không khí.</li> <li>- Trình bày cơ chế trao đổi khí ở phổi và tế bào.</li> </ul>
12	<b>Chủ đề: Tiêu hóa</b> Từ bài 24, 25, 27, 28, 29, 30.	06	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm quá trình tiêu hóa, các cơ quan tiêu hóa.</li> <li>- Nhận biết được các nhóm chất trong thức ăn.</li> <li>- Nêu được các hoạt động trong quá trình tiêu hóa.</li> <li>- Vai trò của tiêu hóa đối với cơ thể người.</li> <li>- Nêu được hiệu quả của việc ăn uống hợp vệ sinh, đảm bảo sức khỏe.</li> </ul>
13	<b>Chủ đề: Tìm hiểu quá trình trao đổi vật chất và năng lượng</b> Từ bài 31, 32, 34	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt sự trao đổi chất ở cấp độ cơ thể và cấp độ tế bào.</li> <li>- So sánh tỉ lệ đồng hóa và dị hóa trong cơ thể ở những độ tuổi và trạng thái khác nhau.</li> <li>- Phân tích được vai trò của da và của hệ thần kinh trong điều hòa thân nhiệt.</li> </ul>
14	Ôn tập học kỳ I	01	<p>Ôn nội dung kiến thức đã học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát cơ thể người: Các vị trí và cơ quan trong cơ thể người, thành phần, cấu tạo, chức năng của tế bào, mô và các notron.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc xương, cấu tạo, sự lớn lên dài ra của xương, thành phần chính của xương.</li> <li>- Thành phần, cấu tạo chức năng của máu, cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch, các nhóm máu và nguyên tắc truyền máu.</li> <li>- Chức năng của cơ quan hô hấp, cơ chế trao đổi khí ở phổi và tế bào. Hiểu được tác hại của các tác nhân gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Cấu tạo của cơ quan tiêu hóa, quá trình tiêu hóa, tầm quan trọng của việc ăn uống hợp vệ sinh.</li> <li>- Quá trình trao đổi chất và năng lượng trong tế bào và cơ thể.</li> </ul>
15	Kiểm tra học kỳ I.	01	<p>Kiểm tra kiến thức đã học ở học kỳ I:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát cơ thể người: Các vị trí và cơ quan trong cơ thể người, thành phần, cấu tạo, chức năng của tế bào, mô và các nơtron.</li> <li>- Cấu trúc xương, cấu tạo, sự lớn lên dài ra của xương, thành phần chính của xương.</li> <li>- Thành phần, cấu tạo chức năng của máu, cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch, các nhóm máu và nguyên tắc truyền máu.</li> <li>- Chức năng của cơ quan hô hấp, cơ chế trao đổi khí ở phổi và tế bào. Hiểu được tác hại của các tác nhân gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Cấu tạo của cơ quan tiêu hóa, quá trình tiêu hóa, tầm quan trọng của việc ăn uống hợp vệ sinh.</li> <li>- Quá trình trao đổi chất và năng lượng trong tế bào và cơ thể.</li> </ul>

### HỌC KỲ II

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
16	Bài 34: Vitamin và muối khoáng.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được vai trò của vitamin và muối khoáng.</li> <li>- Vận dụng những hiểu biết về vitamin và muối khoáng trong việc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý và chế biến thức ăn.</li> </ul>

17	Bài 36: Tiêu chuẩn ăn uống. Nguyên tắc lập khẩu phần. Bài 37: <i>Thực hành</i> : Phân tích một khẩu phần cho trước.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nguyên nhân của sự khác nhau về nhu cầu dinh dưỡng ở các đối tượng khác nhau.</li> <li>- Phân biệt được giá trị dinh dưỡng có ở các loại thực phẩm chính.</li> <li>- Xác định được cơ sở và nguyên tắc xác định khẩu phần.</li> </ul>
18	<b>Chủ đề: Bài tiết nước tiểu</b> Từ bài 38, 39, 40	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm bài tiết và vai trò của nó với cơ thể sống.</li> <li>- Các hoạt động chủ yếu của hệ bài tiết và hoạt động quan trọng.</li> </ul>
19	<b>Chủ đề: Da</b> Từ bài 41, 42	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được cấu tạo của da.</li> <li>- Thấy rõ được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của da.</li> <li>- Trình bày được cơ sở khoa học của các biện pháp, bảo vệ da, rèn luyện da.</li> <li>- Có ý thức vệ sinh, phòng tránh các bệnh về da.</li> </ul>
20	Bài 43: Giới thiệu chung hệ thần kinh.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được cấu tạo và chức năng của noron, đồng thời xác định rõ noron là đơn vị cấu tạo cơ bản của hệ thần kinh.</li> <li>- Phân biệt được các thành phần cấu tạo của hệ thần kinh.</li> <li>- Phân biệt được chức năng của hệ thần kinh vận động và hệ thần kinh sinh dưỡng.</li> </ul>
21	Bài 44: <i>Thực hành</i> : Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tủy sống.	01	<p>Từ kết quả quan sát qua thí nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng của tủy sống.</li> <li>- Đối chiếu với cấu tạo của tủy sống để khẳng định mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng.</li> </ul>
22	Bài 45: Dây thần kinh tủy.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được cấu tạo và chức năng của dây thần kinh.</li> <li>- Giải thích được vì sao dây thần kinh tủy là dây pha.</li> </ul>
23	Bài 46: Trụ não, tiểu não, não trung gian.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được vị trí các thành phần của trụ não, tiểu não và não trung gian.</li> <li>- Trình bày được chức năng của trụ não, tiểu não và não trung gian.</li> </ul>
24	Bài 47: Đại não.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu rõ được đặc điểm cấu tạo của đại não người, đặc biệt là vỏ đại não thể hiện sự tiến hoá so với động vật thuộc lớp thú.</li> <li>- Xác định được các vùng chức năng của vỏ não ở người.</li> </ul>
25	Bài 48: Hệ thần kinh sinh dưỡng.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được phản xạ sinh dưỡng với phản xạ vận động.</li> </ul>

			- Phân biệt được bộ phận giao cảm với bộ phận đối giao cảm trong hệ thần kinh sinh dưỡng về cấu tạo và chức năng.
26	Ôn tập.		Ôn tập nội dung đã học đầu học kỳ II - Vai trò của vitamin và muối khoáng, xây dựng được một khẩu phần ăn hợp lý. - Vai trò và hoạt động bài tiết nước tiểu. - Cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh và giác quan. - Xác định được phản xạ sinh dưỡng và phản xạ vận động.
27	Kiểm tra giữa kỳ II.		Kiểm tra nội dung đã học đầu học kỳ II: - Vai trò của vitamin và muối khoáng, xây dựng được một khẩu phần ăn hợp lý. - Vai trò và hoạt động bài tiết nước tiểu. - Cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh và giác quan. - Xác định được phản xạ sinh dưỡng và phản xạ vận động.
28	<b>Chủ đề: Cơ quan phân tích</b> Từ bài 49, 50, 51.	03	- Xác định rõ các thành phần của một cơ quan phân tích nêu được ý nghĩa của cơ quan phân tích đối với cơ thể. - Nêu được nguyên nhân của tật cận thị, viễn thị và cách khắc phục. - Trình bày được nguyên nhân gây bệnh đau mắt hột, cách lây truyền và biện pháp phòng tránh. - Xác định rõ các thành phần của cơ quan phân tích thính giác. - Mô tả được các bộ phận của tai. - Trình bày được quá trình thu nhận âm thanh.
29	Bài 52: Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.	01	- Phân biệt được phản xạ không điều kiện và có điều kiện. - Trình bày được quá trình hình thành các phản xạ mới và ức chế các phản xạ cũ, nêu rõ các - điều kiện cần khi thành lập các phản xạ có điều kiện. - Nêu rõ ý nghĩa của phản xạ có điều kiện đối với đời sống.
30	Bài 53: Hoạt động thần kinh cấp cao ở người.	01	- Phân tích được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các phản xạ có điều kiện ở người với các động vật nói chung và thú nói riêng.

			- Trình bày được vai trò của tiếng nói, chữ viết và khả năng tư duy trừu tượng ở người.
31	Bài 54: Vệ sinh hệ thần kinh.	01	- Phân tích ý nghĩa của lao động và nghỉ ngơi hợp lý tránh ảnh hưởng xấu đến hệ thần kinh. - Nêu rõ được tác hại của ma túy, các chất gây nghiện đối với sức khoẻ và hệ thần kinh.
32	Bài 55: Giới thiệu chung hệ nội tiết.	01	- Trình bày được sự giống và khác nhau giữa tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết. - Nêu được các tuyến nội tiết chính của cơ thể và vị trí của chúng. - Trình bày được tính chất và vai trò của các sản phẩm tiết của tuyến nội tiết, từ đó nêu rõ tầm quan trọng của tuyến nội tiết đối với đời sống.
33	<b>Chủ đề: Tuyến nội tiết</b> Từ bài 56, 57, 58.	03	- Kể tên và xác định được vị trí các tuyến nội tiết chính. - Giải thích được nguyên nhân các bệnh Cushing, tiểu đường, hạ đường huyết - Xác định rõ mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động các tuyến. - Phân biệt được chức năng của hooomon sinh dục nam và hoomon sinh dục nữ.
	Bài 59: Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết	01	- Nêu được ví dụ để chứng minh cơ chế tự điều hoà trong hoạt động nội tiết. - Trình bày rõ được sự phối hợp trong hoạt động nội tiết để giữ vững tính ổn định của môi trường trong cơ thể.
34	<b>Chủ đề: Sinh sản</b> Từ bài 60, 61, 62, 63, 64	05	- Giải thích được hiện tượng kinh nguyệt, biết cách tính ngày rụng trứng trong chu kỳ kinh nguyệt. - Phân tích được ý nghĩa của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch trong kế hoạch hóa gia đình. -Phân tích được những nguy cơ khi mang thai và sinh con ở tuổi vị thành niên.
35	Bài tập ôn tập Chủ đề Sinh sản	01	Ôn tập nội dung kiến thức chủ đề Sinh sản: - Hiểu được hiện tượng kinh nguyệt.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý nghĩa của kế hoạch hóa gia đình.</li> <li>- Những nguy cơ khi mang thai và sinh con ở tuổi vị thành niên.</li> </ul>
36	Ôn tập cuối học kì II	01	<p>Ôn tập nội dung đã học ở học kì II:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống lại kiến thức các chủ đề Bài tiết, Da, Thần kinh và giác quan, Nội tiết, Sinh sản.</li> <li>- Vai trò và quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể.</li> <li>- Liên hệ thực tế để có ý thức bảo vệ cơ thể khỏe mạnh.</li> </ul>
37	Kiểm tra cuối học kỳ II	01	<p>Kiểm tra kiến thức đã học ở học kỳ II:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống lại kiến thức các chủ đề Bài tiết, Da, Thần kinh và giác quan, Nội tiết, Sinh sản.</li> <li>- Vai trò và quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể.</li> <li>- Liên hệ thực tế để có ý thức bảo vệ cơ thể khỏe mạnh.</li> </ul>

### 1.3. Khối 9:

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
1	<b>PHẦN I: DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ</b> Bài mở đầu (di truyền học)	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nhiệm vụ, nội dung và vai trò của di truyền học</li> <li>- Hiểu và ghi nhớ một số thuật ngữ và kí hiệu trong di truyền học.</li> </ul>	
2	<b>Chủ đề 1:</b> <b>Từ gen (ADN) đến tính trạng</b>	06	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được thành phần hóa học, tính đặc thù và đa dạng của ADN.</li> <li>- Mô tả được cấu trúc không gian của ADN và chú ý tới nguyên tắc bổ sung của các cặp nucleotit.</li> <li>- Nêu được cơ chế tự sao của ADN diễn ra theo nguyên tắc: bổ sung, bán bảo toàn.</li> <li>- Nêu được chức năng của gen.</li> <li>- Kể được các loại ARN.</li> <li>- Biết được sự tạo thành ARN dựa trên mạch khuôn của gen và diễn ra theo nguyên tắc bổ sung.</li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được thành phần hóa học và chức năng của prôtêin (biểu hiện thành tính trạng)</li> <li>- Nêu được mối quan hệ giữa gen và tính trạng thông qua sơ đồ: Gen → ARN → Protein → Tính trạng.</li> </ul>	
3	<b>Bài tập Chủ đề 1</b>	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhằm củng cố khắc sâu kiến thức về phần 1 – AND – gen.</li> <li>- Biết vận dụng lý thuyết để giải bài tập.</li> </ul>	
4	<b>Chủ đề 2: Nhiễm sắc thể</b>	05	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tính đặc trưng của nhiễm sắc thể ở mỗi loài.</li> <li>- Mô tả được cấu trúc hiển vi điển hình của nhiễm sắc thể ở kì giữa của nguyên phân.</li> <li>- Hiểu được chức năng của nhiễm sắc thể đối với sự di truyền các tính trạng.</li> <li>- Học sinh trình bày được sự biến đổi hình thái NST trong chu kì tế bào.</li> <li>- Nêu được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì trong quá trình nguyên phân.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của nguyên phân đối với sự sinh sản và sinh trưởng của cơ thể và sự duy trì ổn định bộ NST của loài qua các thế hệ.</li> <li>- Trình bày được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì của giảm phân I và giảm phân II.</li> <li>- Nêu được những điểm khác nhau cơ bản ở từng kì của giảm phân I và giảm phân II.</li> <li>- Phân tích được những sự kiện quan trọng có liên quan tới cặp NST tương đồng và ý nghĩa của giảm phân.</li> <li>* Kiến thức trọng tâm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những diễn biến cơ bản của NST trong giảm phân I và giảm phân II.</li> <li>- Phân biệt nguyên phân, giảm phân.</li> <li>- Trình bày được các quá trình phát sinh giao tử ở động vật.</li> <li>- Nêu được những điểm giống nhau và khác nhau giữa quá trình phát sinh giao tử đực và cái.</li> <li>- Nêu được mối liên quan giữa bộ nhiễm sắc thể đơn bội và bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.</li> </ul> </li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm biến dị tổ hợp và cơ chế phát sinh.</li> <li>- Xác định được bản chất của quá trình thụ tinh.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của các quá trình giảm phân và thụ tinh về mặt di truyền và biến dị.</li> <li>- Nêu được một số đặc điểm của NST giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính .</li> <li>- Giải thích được cơ chế xác định NST giới tính và tỉ lệ đực : cái ở mỗi loài là 1:1</li> <li>- Nêu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng tới sự phân hoá giới tính .</li> <li>- Tiếp tục phát triển kỹ năng phân tích kênh hình cho học sinh.</li> <li>- Nêu được quan điểm của bản thân về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người.</li> <li>- Học sinh biết nhận dạng hình thái NST ở các kì tế bào.</li> </ul>	
5	<b>Chủ đề 3: Biến dị</b>	07	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm đột biến gen.</li> <li>- Nêu nguyên nhân phát sinh đột biến gen.</li> </ul> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các dạng đột biến gen và cho ví dụ về đột biến gen.</li> <li>- Phát biểu được khái niệm đột biến cấu trúc và số lượng nhiễm sắc thể (thể dị bội, thể đa bội).</li> <li>- Liệt kê được các dạng trong đột biến cấu trúc, đột biến số lượng nhiễm sắc thể.</li> </ul> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu (nhận dạng) được các thể đột biến số lượng nhiễm sắc thể.</li> <li>- Nêu (nhận dạng) được khái niệm các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.</li> <li>- Trình bày được nguyên nhân và cơ chế phát sinh đột biến nhiễm sắc thể.</li> <li>- Trình bày được hậu quả và ý nghĩa của các dạng đột biến nhiễm sắc thể.</li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được bản chất của đột biến cấu trúc và đột biến số lượng nhiễm sắc thể.</li> <li>- Phân biệt được thể lưỡng bội và thể đa bội.</li> </ul> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng đột biến đa bội vào trong sản xuất nông nghiệp để tăng năng xuất cây trồng, tăng sản phẩm cho xã hội.</li> </ul> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được cơ chế phát sinh thể <math>(2n + 1)</math>, <math>(2n - 1)</math>, <math>(3n)</math> và <math>(4n)</math>.</li> <li>- Phân biệt sự khác nhau giữa thường biến và đột biến về khả năng di truyền và sự biểu hiện kiểu hình.</li> <li>- Hình thành khái niệm mức phản ứng và ý nghĩa của nó trong chăn nuôi và trồng trọt.</li> <li>- Ảnh hưởng của môi trường đối với tính trạng số lượng và mức phản ứng của chúng trong việc nâng cao năng suất vật nuôi và cây trồng.</li> <li>- HS nhận biết 1 số thường biến phát sinh ở 1 số đối tượng thường gặp.</li> <li>- Phân biệt sự khác nhau giữa thường biến và đột biến.</li> </ul>	
6	<b>Bài tập Chủ đề 3</b>	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhằm củng cố khắc sâu kiến thức về Nhiễm sắc thể.</li> <li>- Biết vận dụng lý thuyết để giải bài tập.</li> </ul>	
7	<b>Chủ đề 4: Các quy luật di truyền</b>	06	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày và phân tích được thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Mendel và rút ra nhận xét.</li> <li>- Phát biểu được nội dung qui luật phân li và nêu được ý nghĩa.</li> <li>- Trình bày được nội dung, mục đích và ứng dụng của phép lai phân tích.</li> <li>- Nêu được các khái niệm: kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp.</li> <li>- Hiểu và giải thích được vì sao quy luật phân li chỉ nghiệm đúng trong những điều kiện nhất định.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của quy luật phân li đối với lĩnh vực sản xuất.</li> <li>- Phát biểu được nội dung quy luật phân li độc lập.</li> <li>- Nêu ý nghĩa của quy luật phân li và quy luật phân ly độc lập.</li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được biến dị tổ hợp xuất hiện trong phép lai hai cặp tính trạng của Mendel.</li> <li>- Nêu được ứng dụng của quy luật phân li trong sản xuất và đời sống.</li> <li>- Học sinh biết giải thích kết quả thí nghiệm lai 2 cặp tính trạng theo quan niệm của Mendel.</li> <li>- Trình bày được quy luật phân li độc lập.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của quy luật phân li độc lập đối với chọn giống và tiến hóa.</li> <li>- Giải thích được vì sao ở các loài sinh sản giao phối, biến dị lại phong phú hơn nhiều so với những loài sinh sản vô tính.</li> <li>- Nêu được thí nghiệm của Moocgan và nhận xét kết quả thí nghiệm đó.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa thực tiễn của di truyền liên kết.</li> <li>- Phân biệt quy luật di truyền liên kết với quy luật phân li độc lập.</li> </ul>	
8	<b>Bài tập Chủ đề 1</b>	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhằm củng cố khắc sâu kiến thức về phần I - lai hai cặp tính trạng của Mendel.</li> <li>- Biết vận dụng lý thuyết để giải bài tập.</li> </ul>	
9	<b>Chủ đề 4: Di truyền học với con người và ứng dụng di truyền học</b>	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được phương pháp nghiên cứu phả hệ để phân tích một vài tính trạng hay đột biến ở người.</li> <li>- Phân biệt được sinh đôi cùng trứng và sinh đôi khác trứng. Từ đó tìm ra ĐDDT một số TT</li> <li>- Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người.</li> <li>- Phân biệt được người bị bệnh Đào hay Tơc nơ qua đặc điểm hình thái.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm của bệnh và tật di truyền ở người.</li> <li>- Trình bày được di truyền y học tư vấn là gì? và nội dung của lĩnh vực khoa học này.</li> <li>- Giải thích được cơ sở di truyền học với hôn nhân và kế hoạch hóa gia đình.</li> </ul>	
10	<b>Chủ đề 5: Ứng dụng di truyền học.</b>	04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm công nghệ tế bào và các công đoạn chính của công nghệ tế bào.</li> <li>- Nhận biết được phương pháp nhân giống vô tính trong ống nghiệm và</li> </ul>	

			<p>phương hướng ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô và tế bào trong chọn giống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm kỹ thuật gen và công nghệ gen, công nghệ sinh học.</li> <li>- Trình bày các khâu trong kỹ thuật gen.</li> <li>- Nhận biết được các lĩnh vực ứng dụng của kỹ thuật gen, của công nghệ sinh học hiện đại và vai trò của từng lĩnh vực trong sản xuất và đời sống. (<b>Hướng dẫn HS tự học bài 33</b>)</li> </ul>	
11	<b>Ôn tập di truyền và biến dị</b>	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống được các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.</li> <li>- Biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.</li> </ul>	
12	<b>Kiểm tra cuối kỳ I Sửa bài kiểm tra</b>	02	<p><b>Nội dung kiến thức HKI:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống được các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.</li> <li>- Vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.</li> </ul>	
13	<b>Chủ đề 6: Ứng dụng di truyền học(tt)</b>	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định nghĩa được hiện tượng thoái hóa giống.</li> <li>- Biết được nguyên nhân thoái hóa giống.</li> <li>- Rút được phương pháp khắc phục thoái hóa giống được ứng dụng trong sản xuất..</li> <li>- Định nghĩa được hiện tượng ưu thế lai.</li> <li>- Biết được nguyên nhân của ưu thế lai.</li> <li>- Rút ra được phương pháp tạo ưu thế lai.</li> </ul>	
14	<b>Phần II: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG Chủ đề 7: Sinh vật và môi trường</b>	06	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu được ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái vô sinh (nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm đến sinh vật).</li> <li>- HS nêu được một số nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái của một số nhân tố sinh thái (ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm). Nêu được một số ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với môi trường.</li> </ul>	
15	<b>Chủ đề 8: Hệ sinh thái</b>	07	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nêu được định nghĩa quần thể.</li> <li>- HS nêu được một số đặc trưng của quần thể: mật độ, tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi từ đó thấy được ý nghĩa thực tiễn của nó.</li> <li>- Lấy được ví dụ minh họa cho các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật.</li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu được một số đặc điểm quần thể người liên quan đến vấn đề dân số.</li> <li>- Từ đó thấy được ý nghĩa của việc thực hiện pháp lệnh về dân số.</li> <li>- Nêu được định nghĩa quần xã sinh vật.</li> <li>- Trình bày được các tính chất cơ bản của quần xã, các mối quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã, giữa các loài trong quần xã và sự cân bằng sinh học.</li> <li>- Trình bày được các khái niệm: hệ sinh thái, chuỗi và lưới thức ăn, nhận biết được hệ sinh thái trong tự nhiên.</li> <li>- Vận dụng giải thích ý nghĩa của biện pháp nông nghiệp nâng cao năng suất cây trồng đang sử dụng rộng rãi hiện nay.</li> </ul>	
16	<b>Chủ đề 9: Con người và môi trường</b>	05	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các tác động của con người tới môi trường, đặc biệt là nhiều hoạt động của con người làm suy giảm hệ sinh thái, gây mất cân bằng.</li> <li>- Từ đó ý thức được trách nhiệm của bản thân, cộng đồng trong bảo vệ môi trường cho hiện tại và tương lai.</li> <li>- Phát biểu được khái niệm ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Nêu được một số chất gây ô nhiễm môi trường: các khí công nghiệp, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, các tác nhân gây đột biến.</li> <li>- Nêu được hậu quả của ô nhiễm ảnh hưởng tới sức khỏe và gây ra nhiều bệnh tật cho con người và sinh vật.</li> <li>- Mỗi học sinh hiểu được hiệu quả của việc phát triển môi trường bền vững, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.</li> <li>- Học sinh chỉ ra các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương và từ đó đề xuất được các biện pháp khắc phục.</li> </ul>	
17	<b>Chủ đề 10: Bảo vệ môi trường</b>	05	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các dạng tài nguyên chủ yếu (tài nguyên tái sinh, không tái sinh, năng lượng vĩnh cửu).</li> <li>- Trình bày được các phương thức sử dụng các loại tài nguyên thiên nhiên: đất, nước, rừng.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của việc cần thiết phải khôi phục môi trường và bảo vệ sự đa dạng sinh học.</li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các biện pháp bảo vệ thiên nhiên: xây dựng khu bảo tồn, săn bắt hợp lí, trồng cây gây rừng, chống ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Nêu được sự đa dạng của các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước.</li> <li>- Nêu được vai trò của các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển, hệ sinh thái nông nghiệp và đề xuất các biện pháp bảo vệ các hệ sinh thái này.</li> <li>- Nêu được sự cần thiết ban hành luật và hiểu được một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>	
18	<b>Ôn tập cuối năm (theo nội dung bài 63 – SGK)</b>	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh hệ thống được kiến thức sinh học về kiến thức sinh vật, đặc điểm của các nhóm thực vật và động vật.</li> <li>- Học sinh nắm được sự tiến hóa của giới động vật, sự phát sinh phát triển của thực vật.</li> </ul>	
19	<b>Ôn tập học kỳ 2.</b>	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hệ thống hóa được kiến thức cơ bản ở chương trình HKII</li> <li>- HS biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.</li> <li>- Biết hệ thống hóa kiến thức để làm bài kiểm tra.</li> </ul>	
19	<b>Chủ đề 11: Bảo vệ môi trường</b>	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các dạng tài nguyên chủ yếu (tài nguyên tái sinh, không tái sinh, năng lượng vĩnh cửu).</li> <li>- Trình bày được các phương thức sử dụng các loại tài nguyên: đất, nước, rừng.</li> <li>- HS hiểu được khái niệm phát triển bền vững.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của việc cần thiết phải khôi phục môi trường và bảo vệ đa dạng sinh học.</li> <li>- Nêu được các biện pháp bảo vệ thiên nhiên: xây dựng khu bảo tồn, săn bắt hợp lí, trồng cây gây rừng, chống ô nhiễm môi trường.</li> </ul>	

## 2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

### 2.1 Khối 7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
<b>Giữa Học kỳ I</b>	45 phút	Tuần 09 Tháng 11/2021	<p><b>1. Kiến thức:</b> Kiểm tra kiến thức giữa học kì I:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đa dạng và đặc điểm chung của giới ĐV.</li> <li>- Cấu tạo và vai trò của các đại diện ngành ĐVNS, Ruột Khoang, Các Ngành Giun.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, năng lực ngôn ngữ: Diễn đạt bằng viết, lời nói, bày tỏ chính kiến trước nhóm, trước cả lớp rõ ràng, chặt chẽ chính xác, thuyết phục được người nghe.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ.</p>	Máy vi tính, phần mềm Shub.
<b>Cuối Học kỳ I</b>	45 phút	Tuần 18 Tháng 12/2021	<p><b>1. Kiến thức:</b> Kiểm tra kiến thức giữa học kì I:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, cấu tạo, sự đa dạng, vai trò của Ngành ĐVNS, Ruột khoang, Các ngành Giun, Thân mềm, Chân khớp.</li> <li>- Học sinh thấy được kết quả học tập thông qua bài kiểm tra để điều chỉnh việc học ở học kỳ II.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, năng lực ngôn ngữ: Diễn đạt bằng viết, lời nói, bày tỏ chính kiến trước nhóm, trước cả lớp rõ ràng, chặt chẽ chính xác, thuyết phục được người nghe.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ.</p>	Máy vi tính, phần mềm Shub. (Trực tiếp nếu hết giãn cách).
<b>Giữa</b>	45 phút	Tuần 26	<b>1. Kiến thức:</b> Kiểm tra nội dung đã học đầu học kỳ II:	Viết trên giấy

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Học kỳ II		Tháng 3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, sự đa dạng của lớp Lưỡng cư, lớp Thú, lớp Chim.</li> <li>- Đặc điểm thích nghi, vai trò, tập tính của lớp Lưỡng cư, lớp Thú, lớp Chim.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,...</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực.</p>	
Cuối Học kỳ II	45 phút	Tuần 34 Tháng 5/2022	<p><b>1. Kiến thức:</b> Kiểm tra các kiến thức đã học ở học kỳ II:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, cấu tạo, vai trò, tập tính của Ngành ĐVCXS.</li> <li>- Sự tiến hóa của giới động vật.</li> <li>- Tổng kết đánh giá học lực của học sinh.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,....</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, cẩn thận, trung thực.</p>	Viết trên giấy

## 2.2 Khối 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
------------------------	---------------	---------------	---------------------	---------------

<p><b>Giữa Học kỳ I</b></p>	<p>60 phút</p>	<p>Tuần 09 Tháng 11/2021</p>	<p><b>1.Kiến thức:</b> Kiểm tra kiến thức giữa học kì I:  - Khái quát cơ thể người: Các vị trí và cơ quan trong cơ thể người, thành phần, cấu tạo, chức năng của tế bào, mô và các notron.  - Cấu trúc xương, cấu tạo, sự lớn lên dài ra của xương, thành phần chính của xương.  - Thành phần, cấu tạo chức năng của máu, cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch, các nhóm máu và nguyên tắc truyền máu.  <b>2.Năng lực:</b>  - <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học  - <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, năng lực ngôn ngữ: Diễn đạt bằng viết, lời nói.  <b>3.Phẩm chất:</b> Chăm chỉ.</p>	<p>Máy vi tính, phần mềm Shub.</p>
<p><b>Cuối Học kỳ I</b></p>	<p>60 phút</p>	<p>Tuần 18 Tháng 12/2021</p>	<p><b>1.Kiến thức:</b> Kiểm tra kiến thức học kì I:  - Khái quát cơ thể người: Các vị trí và cơ quan trong cơ thể người, thành phần, cấu tạo, chức năng của tế bào, mô và các notron.  - Cấu trúc xương, cấu tạo, sự lớn lên dài ra của xương, thành phần chính của xương.  - Thành phần, cấu tạo chức năng của máu, cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch, các nhóm máu và nguyên tắc truyền máu.  - Chức năng của cơ quan hô hấp, cơ chế trao đổi khí ở phổi và tế bào. Hiểu được tác hại của các tác nhân gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường.  - Cấu tạo của cơ quan tiêu hóa, quá trình tiêu hóa, tầm quan trọng của việc ăn uống hợp vệ sinh.  - Quá trình trao đổi chất và năng lượng trong tế bào và cơ thể.  <b>2.Năng lực:</b>  - <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.</p>	<p>Máy vi tính, phần mềm Shub. (Trực tiếp nếu hết giãn cách).</p>

			<p>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, năng lực ngôn ngữ: Diễn đạt bằng viết, lời nói.</p> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ.</p>	
<b>Giữa Học kỳ II</b>	60 phút	Tuần 26 Tháng 3/2022	<p><b>1. Kiến thức:</b> Kiểm tra nội dung đã học đầu học kỳ II:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò của vitamin và muối khoáng, xây dựng được một khẩu phần ăn hợp lý.</li> <li>- Vai trò và hoạt động bài tiết nước tiểu.</li> <li>- Cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh và giác quan.</li> <li>- Xác định được phản xạ sinh dưỡng và phản xạ vận động.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,...</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực.</p>	Viết trên giấy
<b>Cuối Học kỳ II</b>	60 phút	Tuần 35 Tháng 5/2022	<p><b>1. Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống lại kiến thức các chủ đề Bài tiết, Da, Thần kinh và giác quan, Nội tiết, Sinh sản.</li> <li>- Vai trò và quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể.</li> <li>- Liên hệ thực tế để có ý thức bảo vệ cơ thể khỏe mạnh.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,...</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, cẩn thận, trung thực.</p>	Viết trên giấy

### 2.3 Khối 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
<b>Giữa Học kỳ I</b>	45 phút	Tuần 11 Tháng 11/2021	<p><b>1. Kiến thức:</b> Kiểm tra đánh giá học lực của học sinh thông qua nội dung kiến thức về: ADN; Nhiễm sắc thể; Các quy luật di truyền.</p> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,...</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, cẩn thận, trung thực.</p>	Máy vi tính, phần mềm Shub.
<b>Cuối Học kỳ I</b>	45 phút	<b>Tuần 18</b> Tháng 12/2021	<p><b>1. Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra đánh giá học lực của học sinh các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.</li> <li>- Vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,...</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, cẩn thận, trung thực.</p>	Máy vi tính, phần mềm Shub. (Trực tiếp nếu hết giấy cách).
<b>Giữa Học kỳ II</b>	45 phút	Tuần 26 Tháng 3/2022	<p><b>1. Kiến thức:</b> Kiểm tra đánh giá học lực của học sinh thông qua nội dung kiến thức về: Sinh vật và môi trường, hệ sinh thái.</p> <p><b>2. Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học</li> <li>- <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,...</li> </ul>	Viết trên giấy

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
			<b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, cẩn thận, trung thực.	
<b>Cuối Học kỳ II</b>	45 phút	<b>Tuần 31</b> Tháng 4/2022	<b>1. Kiến thức</b> Kiểm tra đánh giá học lực của học sinh thông qua toàn bộ kiến thức đã học về Sinh vật và môi trường. <b>2. Năng lực:</b> - <b>Năng lực chung:</b> Nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học - <b>Năng lực chuyên biệt bộ môn:</b> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, quan sát,... <b>3. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, cẩn thận, trung thực.	Viết trên giấy

### 3. Tổ chức dạy học qua internet

#### 3.1. Khối 7 (PPCT dự kiến đến hết tháng 10)

TUẦN	Nội dung/ chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Hình thức thực hiện	Công cụ/ phần mềm
<b>1</b>	Bài 1: Thế giới động vật đa dạng, phong phú.	01	Học sinh chứng minh sự đa dạng và phong phú của động vật thể hiện ở số loài và môi trường sống.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Google Meet
	Bài 2: Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật.	01	- Trình bày điểm giống nhau và khác nhau giữa cơ thể động vật và cơ thể thực vật. - Kể tên các ngành động vật.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	
<b>2</b>	Bài 3: Thực hành: Quan sát một số động vật nguyên sinh.	01	- Nêu được ít nhất 2 đại diện điển hình cho ngành động vật nguyên sinh là: Trùng roi và trùng đế giày.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Google Meet

			- Phân biệt được hình dạng, cách di chuyển của 2 đại diện này.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	
	Bài 4: Trùng roi.	01	- Nêu được đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng và sinh sản của Trùng roi xanh. - Trình bày được bước chuyển quan trọng từ động vật đơn bào đến động vật đa bào qua đại diện là tập đoàn trùng roi.		
3	Bài 5: Trùng biến hình và trùng giày.	01	Trình bày được sự phân hoá chức năng các bộ phận trong tế bào của trùng giày, đó là biểu hiện mầm mống của động vật đa bào.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra. - Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	Google Meet
	Bài 6: Trùng kiết lị và trùng sốt rét.	01	- Nêu được đặc điểm cấu tạo của trùng sốt rét và trùng kiết lị phù hợp với lối sống kí sinh. - Chỉ rõ được những tác hại do 2 loại trùng này gây ra và cách phòng chống bệnh sốt rét.		
4	Bài 7: Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của Động vật nguyên sinh.	01	Chỉ ra được đặc điểm chung và vai trò tích cực của động vật nguyên sinh và những tác hại do động vật nguyên sinh gây ra.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra. - Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	<a href="https://shub.edu.vn/">https://shub.edu.vn/</a> Google Meet
	Bài 8: Thủy tức.	01	- Trình bày được đặc điểm hình dạng, cấu tạo, dinh dưỡng và cách sinh sản của thủy tức, đại diện cho ngành ruột khoang và là ngành động vật đa bào đầu tiên.		
5	Bài 9: Đa dạng của ngành Ruột khoang.	01	Nêu được sự đa dạng của ngành ruột khoang được thể hiện ở cấu tạo cơ thể, lối sống, tổ chức cơ thể, di chuyển.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	<a href="https://shub.edu.vn/">https://shub.edu.vn/</a>

	Bài 10: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang.	01	Liên hệ thực tế, vai trò và lợi ích, tác hại của Ruột khoang.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	Google Meet
6	Bài 11: Sán lá gan.	01	- Tìm hiểu cấu tạo, đời sống của sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh. - Vòng đời và các bệnh về sán lá gan.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Https://shub.edu.vn/ Google Meet
	Bài 12 Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung của ngành Giun dẹp.	01	- Giới thiệu về 1 số giun dẹp khác. - Vai trò và lợi ích của giun dẹp.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	
7	Bài 13 Giun đũa.	01	- Mô tả được cấu tạo ngoài, cấu tạo trong và dinh dưỡng của giun đũa thích nghi với kí sinh. - Giải thích được vòng đời của giun đũa (có giai đoạn qua gan, tim, phổi). Từ đó biết cách phòng trừ giun đũa, một căn bệnh phổ biến ở Việt Nam.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức. - Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Https://shub.edu.vn/ Google Meet
	Bài 14: Một số giun tròn khác và đặc điểm chung của ngành Giun tròn.	01	- Mở rộng hiểu biết về các giun tròn ký sinh khác như: giun kim (kí sinh ở ruột già), giun móc câu (kí sinh ở tá tràng), phần nào về giun chỉ (kí sinh ở mạch bạch huyết).		
8	Bài 15: Giun đất.	01	- Nêu được đặc điểm cấu tạo, di chuyển, dinh dưỡng, sinh sản của giun đất. - Chỉ rõ đặc điểm tiến hóa hơn so với giun tròn.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức. - Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Https://shub.edu.vn/ Google Meet
	Bài 16: Thực hành: Mổ và quan sát giun đất.	01	- Tiến hành thực hành mổ và quan sát giun đất.		

### 3.2. Khối 8 (PPCT dự kiến đến hết tháng 10)

TUẦN	Nội dung/ chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Hình thức thực hiện	Công cụ/ phần mềm
1	Bài 1: Bài mở đầu.	01	- Nêu được mục đích và ý nghĩa của kiến thức phần cơ thể người và vệ sinh. - Xác định được vị trí con người trong giới Động vật. - Làm rõ mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của môn học.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra. - Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	Google Meet
	Bài 2: Cấu tạo cơ thể người.	01	Kể được tên và xác định được vị trí của các cơ quan trong cơ thể người.		
2	Bài 3: Tế bào.	01	- Nêu được thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào bao gồm: màng sinh chất, chất tế bào (lưới nội chất, ribôxôm, ti thể, bộ máy gôngi, trung thể .....), nhân (nhiễm sắc thể, nhân con) - Phân biệt được chức năng từng cấu trúc của tế bào.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra. - Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	Google Meet
	Bài 4: Mô.	01	- Nêu được khái niệm mô, phân biệt các loại mô chính trong cơ thể. - Trình bày được cấu tạo và chức năng của từng loại mô trong cơ thể.		
3	Bài 6: Phản xạ.	01	- Nêu được cấu tạo và chức năng của nơron. - Chỉ rõ 5 thành phần của 1 cung phản xạ và đường dẫn truyền xung thần kinh trong cung phản xạ.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Google Meet
	Bài 5: Thực hành: Quan sát tế bào và mô.	01	- Chuẩn bị được tiêu bản tạm thời tế bào mô cơ vân. - Quan sát và vẽ các tế bào trong các tiêu bản đã làm sẵn: tế bào niêm mạc miệng (mô biểu bì), mô sụn, mô xương, mô cơ vân, mô cơ trơn, phân biệt	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	

			<p>bộ phận chính của tế bào gồm màng sinh chất, chất tế bào và nhân.</p> <p>- Phân biệt được điểm khác nhau của mô biểu bì, mô cơ và mô liên kết.</p>		
4	Bài 7: Bộ xương.	01	Trình bày được các phần chính của bộ xương và xác định được các xương chính ngay trên cơ thể mình.	<p>- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.</p> <p>- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.</p>	<a href="https://shub.edu.vn/">https://shub.edu.vn/</a> Google Meet
	Bài 8: Cấu tạo và tính chất của xương.	01	<p>- Biết được cấu tạo chung của 1 xương dài, từ đó giải thích được sự lớn lên và khả năng chịu lực của xương</p> <p>- Xác định được các thành phần hoá học của xương.</p>		
5	Bài 9: Cấu tạo và tính chất của cơ.	01	<p>- Trình bày được đặc điểm cấu tạo của tế bào cơ và bắp cơ.</p> <p>- Giải thích được tính chất cơ bản của cơ là sự co cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ.</p>	<p>- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.</p> <p>- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.</p>	<a href="https://shub.edu.vn/">https://shub.edu.vn/</a> Google Meet
	Bài 10: Hoạt động của cơ.	01	<p>- Chứng minh được cơ co sinh công, công của cơ sử dụng cho lao động và di chuyển.</p> <p>- Giải thích được nguyên nhân của sự mỏi cơ và nêu được biện pháp chống mỏi cơ.</p> <p>- Trình bày được ích lợi của việc tập cơ, từ đó vận dụng vào tập luyện thể dục thể thao, lao động vừa sức.</p>		
6	Bài 11: Tiến hoá của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động.	01	<p>- Chứng minh được sự tiến hóa của người so với động vật thể hiện ở hệ xương.</p> <p>- Giải thích được nguyên nhân của sự tiến hóa hệ vận động.</p>	<p>- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.</p>	<a href="https://shub.edu.vn/">https://shub.edu.vn/</a> Google Meet

			- Trình bày được ích lợi của việc luyện tập rèn luyện lành mạnh, vệ sinh cơ thể chống các bệnh tật ở hệ vận động.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	
	Bài 12: <i>Thực hành:</i> Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương.	01	- Học sinh biết cách sơ cứu khi gặp người bị gãy xương. - Biết cách băng cố định xương bị gãy.		
7	Bài 13: Máu và môi trường trong cơ thể.	01	- Học sinh nêu được các thành phần cấu tạo của máu và thành phần của môi trường trong cơ thể. - Nêu được chức năng các thành phần cấu tạo của máu.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	Https://shub.edu.vn/ Google Meet
	Bài 14: Bạch cầu - Miễn dịch.	01	Trình bày được cơ chế kháng nguyên, kháng thể, miễn dịch.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	
8	Bài 15: Đông máu và nguyên tắc truyền máu.	01	Liệt kê được các nhóm máu ở người, nêu được nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền máu.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	Https://shub.edu.vn/ Google Meet
	Bài 16: Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết.	01	- Trình bày được các thành phần cấu tạo của hệ tuần hoàn máu và vai trò của chúng. - Trình bày được các thành phần cấu tạo của hệ bạch huyết và vai trò của chúng.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	

### 3.3. Khối 9 (PPCT dự kiến đến hết tháng 10)

TUẦN	Nội dung/ chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Hình thức thực hiện	Công cụ/ phần mềm
1	Bài 1: Mở đầu về di truyền học.	01	- Nêu được nhiệm vụ, nội dung và vai trò của di truyền học.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi	Google Meet

			- Hiểu và ghi nhớ một số thuật ngữ và kí hiệu trong di truyền học.	hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	
	Bài 15: AND.	01	Nêu được thành phần hóa học, tính đặc thù và đa dạng của ADN.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	
2	Bài 20: Thực hành: Quan sát và lắp mô hình AND.	01	- Mô tả được cấu trúc không gian của ADN và chú ý tới nguyên tắc bổ sung của các cặp nucleôtit.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Google Meet
	Bài 16: ADN và bản chất của gen.	01	- Nêu được cơ chế tự sao của ADN diễn ra theo nguyên tắc: bổ sung, bán bảo toàn. - Nêu được chức năng của gen.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	
3	Bài 17: Mọi quan hệ giữa gen và ARN.	01	- Kể được các loại ARN. - Biết được sự tạo thành ARN dựa trên mạch khuôn của gen và diễn ra theo nguyên tắc bổ sung.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	Google Meet
	Bài 18: Prôtein.	01	Nêu được thành phần hóa học và chức năng của prôtêin (biểu hiện thành tính trạng).	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.	
4	Bài 19: Mọi quan hệ giữa gen và tính trạng.	01	Nêu được mối quan hệ giữa gen và tính trạng thông qua sơ đồ: Gen → ARN → Protein → Tính trạng.	- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.	https://shub.edu.vn/ Google Meet
	Bài tập chủ đề 1	01	- Nhằm củng cố khắc sâu kiến thức về phần 1 – AND – gen. - Biết vận dụng lý thuyết để giải bài tập.	- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc	

				và mở rộng thêm kiến thức.	
5	Bài 8: Nhiễm sắc thể.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tính đặc trưng của nhiễm sắc thể ở mỗi loài.</li> <li>- Mô tả được cấu trúc hiển vi điển hình của NST ở kì giữa của nguyên phân.</li> <li>- Hiểu được chức năng của NST đối với sự di truyền của các tính trạng.</li> <li>- HS nắm được các khái niệm: NST tương đồng, bộ NST lưỡng bội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.</li> <li>- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.</li> </ul>	<a href="https://shub.edu.vn/GoogleMeet">Https://shub.edu.vn/Google Meet</a>
	Bài 9: Nguyên phân.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày được sự biến đổi hình thái NST chủ yếu là sự đóng xoắn xoắn trong chu kì tế bào.</li> <li>- Trình bày được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì của nguyên phân.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của nguyên phân đối với sự sinh sản và sinh trưởng của cơ thể.</li> </ul>		
6	Bài 10: Giảm phân.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì của giảm phân I và giảm phân II.</li> <li>- Nêu được những điểm khác nhau cơ bản ở từng kì của giảm phân I và giảm phân II.</li> <li>- Phân tích được những sự kiện quan trọng có liên quan tới cặp NST tương đồng và ý nghĩa của giảm phân.</li> <li>- Phân biệt nguyên phân, giảm phân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.</li> <li>- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.</li> </ul>	<a href="https://shub.edu.vn/GoogleMeet">Https://shub.edu.vn/Google Meet</a>
	Bài 14: Thực hành: Quan sát hình thái NST.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh biết nhận dạng hình thái NST ở các kì tế bào.</li> </ul>		
7	Bài 11: Phát sinh giao tử và thụ tinh.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các quá trình phát sinh giao tử ở động vật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc</li> </ul>	<a href="https://shub.edu.vn/">Https://shub.edu.vn/</a>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những điểm giống nhau và khác nhau giữa quá trình phát sinh giao tử đực và cái.</li> <li>- Xác định được bản chất của quá trình thụ tinh.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của các quá trình giảm phân và thụ tinh về mặt di truyền và biến dị.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>và mở rộng thêm kiến thức.</li> <li>- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.</li> </ul>	Google Meet
	Bài 12: Cơ chế xác định giới tính.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số đặc điểm của NST giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính .</li> <li>- Giải thích được cơ chế xác định NST giới tính và tỉ lệ đực : cái ở mỗi loài là 1:1</li> <li>- Nêu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng tới sự phân hoá giới tính.</li> <li>- Nêu được quan điểm của bản thân về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người.</li> </ul>		
8	Bài 2: Lai 1 cặp tính trạng.	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày và phân tích được thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Mendel.</li> <li>- Hiểu và ghi nhớ các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp.</li> <li>- Hiểu và phát biểu được nội dung quy luật phân li, giải thích được kết quả thí nghiệm theo quan điểm của Mendel.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học trực tuyến tương tác với GV, giải đáp thắc mắc và mở rộng thêm kiến thức.</li> <li>- Học sinh tự nghiên cứu bài học, trả lời câu hỏi hoặc yêu cầu giáo viên đưa ra.</li> </ul>	<a href="https://shub.edu.vn/">https://shub.edu.vn/</a> Google Meet
	Bài 3: Lai 1 cặp tính trạng(tt).	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày và phân tích được thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Mendel.</li> <li>- Hiểu và ghi nhớ các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp.</li> <li>- Hiểu và phát biểu được nội dung quy luật phân li, giải thích được kết quả thí nghiệm theo quan điểm của Mendel.</li> </ul>		

\* Hình thức học trên internet:

- 2-3 ngày trước khi bắt đầu tiết dạy trong tuần giáo viên đăng tải nội dung kiến thức trọng tâm của bài học trên Shub Classroom, Website nhà trường, Enetviet.
- Nội dung bài đăng theo thống nhất của nhóm bộ môn, chuẩn kiến thức, chú ý nội dung giảm tải, tự học theo công văn 4040/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022.
- Học sinh có thể tham khảo và tự học trên nguồn học liệu mà giáo viên cung cấp hoặc tìm hiểu thêm các nguồn tư liệu khác trên Internet.
- Có nội quy học trực tuyến:
  - + Học Sinh mở camera, tắt micro và tương tác với giáo viên xuyên suốt buổi học.
  - + Giáo viên chú ý mặc đồ lịch sự trong quá trình dạy học.
  - + Điểm danh học sinh trong các buổi học và trao đổi thường xuyên với GVCN về tình hình học sinh.
- Giáo viên linh động trong việc tổ chức các hoạt động dạy và học nhằm hình thành và phát huy năng lực tự học của học sinh, khi lên lớp phải đảm bảo tác phong, ngôn từ chuẩn mực.
- Điểm danh học sinh khi lên lớp khuyến khích học sinh tương tác nhiều khi tham gia buổi học để hình thành kiến thức mới của bài học.
- Thời gian dạy hình thức trực tuyến online: Giáo viên giảng dạy nội dung bài học và tương tác với học sinh từ 25 – 30 phút.
- Thống nhất soạn giáo án điện tử dùng chung trong khối. Nhóm trưởng duyệt bài soạn mỗi tuần. Phân công soạn bài:
  - + Cô Ánh: Soạn giáo án điện tử khối 7.
  - + Cô Bé: Soạn giáo án điện tử khối 8.
  - + Cô Hồng: Soạn giáo án điện tử khối 9.

**\* Hình thức dạy học trực tiếp:**

- Phương án 1: Thực hiện vào học kỳ II
- Phương án 2: Thực hiện học trực tuyến đến hết tháng 10, sau đó dự kiến 50% trực tuyến và 50% trực tiếp tại lớp.

**4. Phân công chuyên môn**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP DẠY			Kiểm nhiệm
		Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
1	Nguyễn Thị Hạnh Hồng	7/2; 7/3; 7/5; 7/8		9/1; 9/3; 9/5; 9/6; 9/7; 9/9	CN 9/1 BDHSG
2	Lê Thị Bé		8/1 → 8/9	9/2; 9/4; 9/8	

3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7/1; 7/4; 7/6; 7/7; 7/9			CN 6/6
---	---------------------	-------------------------	--	--	--------

### III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn

#### 1. Khối lớp: 8; Số học sinh: 276

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	<b>Phòng chống bệnh còi xương.</b>	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được cấu tạo, thành phần hóa học và tính chất của xương.</li> <li>- Tiến hành được các thí nghiệm về xương để phát hiện được thành phần hóa học và tính chất của xương.</li> <li>- Biết được nguyên nhân và biện pháp phòng chống bệnh còi xương ở lứa tuổi thiếu niên, giải thích được các hiện tượng trong thực tế.</li> </ul> <p><b>Kĩ năng:</b> Xây dựng sản phẩm, tuyên truyền về phòng chống còi xương cho lứa tuổi thiếu niên.</p>	01	Học kì I Tháng 11	Qua hình thức học trực tuyến	Cô Bé	Cô Ánh Cô Hồng	Cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ đính kèm trong Chủ đề Vận động.

**2. Khối lớp: 9; Số học sinh: 267**

<b>STT</b>	<b>Chủ đề (1)</b>	<b>Yêu cầu cần đạt (2)</b>	<b>Số tiết (3)</b>	<b>Thời điểm (4)</b>	<b>Địa điểm (5)</b>	<b>Chủ trì (6)</b>	<b>Phối hợp (7)</b>	<b>Điều kiện thực hiện (8)</b>
1	<b>Tổ chức các tiết học ngoài nhà trường cho học sinh khối 9 theo chủ đề: Sắc màu quanh em.</b>	<b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm biến dị.</li> <li>- Phát biểu được khái niệm đột biến gen và kể được các dạng đột biến gen.</li> <li>- Kể được các dạng đột biến cấu trúc và số lượng nhiễm sắc thể (thể dị bội, thể đa bội).</li> <li>- Nêu được nguyên nhân phát sinh và một số biểu hiện của đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể.</li> <li>- Định nghĩa được thường biến và mức phản ứng.</li> </ul>	4	Học kì II Tháng 3	Sân vườn trường	Cô Hồng	Cô Bé	Cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ như: Kính lúp, vợt bắt côn trùng, dụng cụ làm tiêu bản.

		<p>- Nêu được mối quan hệ kiểu gen, kiểu hình và ngoại cảnh; nêu được một số ứng dụng của mối quan hệ đó.</p> <p><b>Kĩ năng:</b> Thu thập tranh ảnh, mẫu vật liên quan đến đột biến và thường biến.</p>						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

#### IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn

##### 1. Thực hiện kế hoạch dạy học theo 2 phương án và tương ứng với các hình thức kiểm tra đánh giá qua phần mềm hay trực tiếp nếu hết giãn cách do dịch Covid

- Phương án 1: Thực hiện dạy học trực tuyến đến hết chương trình học kỳ I
- Phương án 2: Thực hiện dạy học đến hết tháng 10 và nếu hết giãn cách xã hội thì thực hiện dạy 50% trực tuyến và 50% dạy trực tiếp.

##### 2. Nội dung kiểm tra đánh giá

Chỉ ở 2 mức độ nhận biết và thông hiểu, còn vận dụng thì đơn giản.

##### 3. Kế hoạch bài dạy

- Xây dựng bài học theo chủ đề với nội dung ngắn gọn, trọng tâm.
- Mục tiêu: Cần đạt ở hai mức độ nhận biết và thông hiểu.
- Phân công soạn giáo án điện tử để dùng chung cho cả khối:
  - + Khối 9: Cô Hồng
  - + Khối 8: Cô Bé
  - + Khối 7: Cô Ánh
- Thống nhất nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra tất cả các bài KT và biên soạn đề kiểm tra theo ma trận.
- Thống kê điểm bài KTTX của học sinh và rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy.

- Nhóm chuyên môn duy trì họp 2 tuần/1 lần theo hướng nghiên cứu bài học, nêu lên những khó khăn và giải pháp khắc phục, triển khai và thống nhất thực hiện các nội dung công việc.
- Đối với trường hợp học sinh bị Covid không theo học theo thời khóa biểu thì GVBM sẽ cung cấp tài liệu học tập qua Enetviet, Shub Classroom và trang web nhà trường. Đồng thời giao phiếu bài tập để kiểm tra việc tự học của các em có hiệu quả hay không từ đó có hướng giúp đỡ kịp thời.

## **VI. Các nội dung khác:**

### **1. Triển khai văn bản 4363/GDDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số**

- Tăng cường xây dựng và sử dụng kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung và đóng góp vào hệ tri thức Việt số hoá quốc gia tại địa chỉ <http://tracnghiem.itrithuc.vn/>
- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, tổ chức bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao năng lực về việc biên soạn và xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn để cụ thể hoá tiêu chí 4 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của câu hỏi kiểm tra, đánh giá; xây dựng và sử dụng có hiệu quả ngân hàng câu hỏi trực tuyến trong quá trình dạy học.

### **2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu:**

- Chủ động bồi dưỡng học sinh giỏi tạo nguồn tham gia các kì thi học sinh giỏi Thành phố Thủ Đức tổ chức. (Thời gian và hình thức tổ chức tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh Covid – 19).
- Đẩy mạnh công tác phụ đạo học sinh yếu, hạn chế đến mức thấp nhất học sinh yếu kém, bỏ học.
- Lên kế hoạch và chọn học sinh thi học sinh giỏi, thi Olympic Khối 7, 8. Mỗi khối chọn ra 5-6 học sinh để bồi dưỡng. Sau cùng chọn ra 3 học sinh mỗi khối để thi.
- Cô Nguyễn Thị Hạnh Hồng bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9.
- Cô Nguyễn Thị Ngọc Ánh bồi dưỡng học sinh thi Olympic Khối 7.
- Cô Lê Thị Bé bồi dưỡng học sinh thi Olympic Khối 8.

### **3. Tham gia cuộc thi, hội thi**

- Cuộc thi học sinh giỏi cấp Thành phố cho Khối 9.
- Cuộc thi Olympic Khối 7, 8.

### **4. Câu lạc bộ học thuật**

Các giáo viên bộ môn trong khối sử dụng cùng một giáo án, phần mềm dạy học internet, đồng thời lập nhóm chia sẻ các ý tưởng, tài liệu, nội dung, phương pháp dạy học liên quan đến nội dung mà mình đang sử dụng

**5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học:**

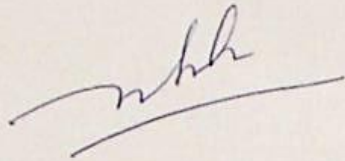
Xây dựng một số chủ đề dạy học theo dự án để học sinh dần làm quen với các cách thức nghiên cứu nội dung bài học, từ đó là nền tảng để các em đi xa hơn trong việc nghiên cứu khoa học khi lên các lớp trên.

**6. Nội dung khác**

Giáo viên tiếp tục công tác tự bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên dạy Sinh học 7, 8, 9 (nếu có).

Trên đây là Kế hoạch giáo dục của nhóm bộ môn Sinh học Trường THCS Trần Quốc Toản 1, trình Ban giám hiệu phê duyệt./.

**NHÓM TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Ngọc Ánh**

*TP Thủ Đức, ngày 20 tháng 9 năm 2021*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Bạch Yến**